TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 05/10/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
2.Ông Nguyễn Phương Thanh

-***Thư ký phiên toà:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

-***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** không tham gia.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 148/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/ 2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Châu Hùng Q, sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp Phú Long A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Chanh Th, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Phú Long A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Châu Hùng Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Chanh Th có tìm hiểu nhau trước và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 17/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi. Đến năm 2016 chị Ti bỏ nhà ra đi thỉnh thoảng mới về, anh có khuyên chị Th trở về chung sống nuôi con, nhưng chị Th không đồng ý dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi. Anh và chị Th không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Vì vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Th.

Con chung có hai người gồm Châu Phú Đ, sinh ngày 20/01/2002 và Châu Phú N, sinh ngày 06/3/2004 anh đang nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng.

Tài sản chung: không có

Nợ chung: không có.

Qua hai lần hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Chanh Th đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Chanh Th vắng mặt phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Anh Châu Hùng Q khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Chanh Th, nơi cư trú: ấp Phú Long A, xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Anh Châu Hùng Q và chị Nguyễn Thị Chanh Th tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2003, hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Q, xét thấy:

Sau khi cưới anh Q và chị Th chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được hai người con, đến năm 2016 thì chị Th đã bỏ đi để lại hai người con cho anh Q nuôi dưỡng, anh Q có gặp bàn bạc với chị Th trở về chung sống nuôi con, nhưng chị Th không đồng ý. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, chị Th không quan tâm chăm sóc gia đình, đã bỏ mặc anh Q và các con từ năm 2016 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh Q và chị Th không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q.

[3] Về nuôi con chung: anh Q yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con Châu Phú Đ, sinh ngày 20/01/2002 và Châu Phú N, sinh ngày 06/3/2004, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng, xét thấy: hiện nay anh Q đang trực tiếp nuôi hai con chung và nguyện vọng của hai cháu được sống với anh Q. Vì vậy giao hai con chung cho anh Q nuôi theo nguyện vọng của các con là có căn cứ.

Tài sản chung và nợ chung anh Q khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[3]Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Châu Hùng Q. Cho anh Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Chanh Th.

2.Về nuôi con chung: Giao hai cháu Châu Phú Đ, sinh ngày 20/01/2002 và Châu Phú N, sinh ngày 06/3/2004 cho anh Q trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của các con. Phần cấp dưỡng nuôi con anh Q không không yêu cầu nên không xem xét.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung và nợ chung: anh Q khai không có nên không đặt ra giải quyết.

2.Về án phí: buộc anh Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001446 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh Q đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ánh Bình

Nơi nhận:
-TANDT Vĩnh Long;
-VKSND cùng cấp;
-CC THADS cùng cấp;
-Các đương sự;
-UBND xã nơi đăng ký kết hôn.
-Lưu hồ sơ vụ án.